

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2017
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Bà Bùi Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2017 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 457/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Quang B, sinh năm 1955,

Địa chỉ: Tổ Hòa Bình 2 (cũ là Tổ 1, cụm 3), phường T, quận K, thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1959,

Địa chỉ: Tổ Hòa Bình 2 (cũ là Tổ 1, cụm 3), phường T, quận K, thành phố H. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc Hải – Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh V.I.P. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2017, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Phạm Quang B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị V có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 02 năm 1982. Sau khi kết hôn ông và bà V chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, không còn tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống chung căng thẳng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay; năm 2016 ông B đã làm đơn xin ly hôn bà V tại Tòa án nhân dân quận K nhưng được Tòa án, các con và họ hàng hai bên khuyên giải nên ông đã rút đơn về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà V.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị V có ba con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 16/01/1983; Phạm Quang T, sinh ngày 22/9/1986; Phạm Quang Tr, sinh ngày 15/01/1989. Hiện nay các con chung đã đến tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự trình bày ngày 16/3/2017 bị đơn là bà Trần Thị V trình bày: Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn ông B. Về con chung: Bà và ông Phạm Quang B có ba con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 16/01/1983; Phạm Quang T, sinh ngày 22/9/1986; Phạm Quang T, sinh ngày 15/01/1989. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng có một số tài sản chung gồm: 01 xe ô tô tải 5 tấn biển kiểm soát 15C 11064 và 01 nhà cấp 4 diện tích 157m² nằm trên thửa đất số 401, diện tích đất 246,4m² tại địa chỉ: Số 401 Trần Tất Văn, quận K, thành phố H. Đất và nhà nói trên đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số BH296300 mang tên Phạm Quang B và bà Trần Thị V. Do có nhu cầu sử dụng tiền nên ông B và bà đã thế chấp diện tích nhà đất nêu trên tại Ngân hàng Việt Nam T, đến nay ông bà còn nợ ngân hàng số tiền là 310.000.000 đồng, tài sản thế chấp chưa được giải chấp. Nay ly hôn bà đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà và ông B về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại biên bản làm việc ngày 05/5/2017 và ngày 19/5/2017 bà V trình bày: Về hôn nhân: Mặc dù mâu thuẫn giữa bà và ông B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân nhiều năm nay, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nhưng do vợ chồng chưa thống nhất được với nhau về tài sản nên bà không đồng ý ly hôn ông B. Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà và ông B có một số tài sản chung, công nợ chung, bà và ông B tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Tại biên bản xác minh, Hội trưởng hội phụ nữ và tổ dân phố - Tổ H, phường T cung cấp: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V có đăng ký kết hôn năm 1982. Sau khi kết hôn ông B và bà V sống tại số 401 T, tổ H, phường T, quận K, thành phố H.

Trong quá trình chung sống ông B và bà V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V nghi ngờ ông B không chung thủy với bà V, hơn nữa kinh tế giữa hai vợ chồng không thống nhất nên giữa bà V và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau, tổ dân phố và gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa bà V và ông B đã kéo dài nhiều năm nay. Nay ông B có đơn xin ly hôn bà V, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V có ba con chung là Phạm Thị T; Phạm Quang T; Phạm Quang T. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, cháu T thì đang chấp hành án tại trại giam Ninh Bình. Về tài sản chung: Ngoài lô đất tại số 401 T, quận K, thành phố H thì Tổ dân phố, Hội phụ nữ không nắm được ông B, bà V còn tài sản nào khác không.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị V về việc yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà V và ông B về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Tại phiên tòa bà Trần Thị V không đồng ý ly hôn ông B, bà yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn gồm: 01 xe ô tô tải 5 tấn biển kiểm soát 15C 11064; 01 nhà cấp 4 diện tích 157m² nằm trên thửa đất số 401, diện tích đất 246,4m² tại địa chỉ: Số 401 Trần Tất V, quận K, thành phố H hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Việt Nam T; số nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng Việt Nam T là 310.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông B không đồng ý với các quan điểm của bà V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; ông B vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, các bản tự khai và phiên hòa giải; ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V; Về con chung: Các con chung là Phạm Thị Thủy, sinh ngày 16/01/1983; Phạm Quang Trung, sinh ngày 22/9/1986; Phạm Quang Trường, sinh ngày 15/01/1989 đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Về án phí: Ông Phạm Quang B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 22 tháng 02 năm 2017 ông Phạm Quang B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, ông Phạm Quang B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị V, sinh năm 1959, đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Phường T, quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bắc Hà, huyện K, thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 16/02/1982. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống ông B và bà V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần đánh cãi nhau, xúc phạm nhau, nghi ngờ lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như về kinh tế từ năm 2010 đến nay, năm 2016 ông B đã làm đơn xin ly hôn bà V tại Tòa án nhân dân quận K nhưng được gia đình, các con và Tòa án khuyên giải nên ông B đã rút đơn về đoàn tụ cùng bà V, nhưng sau khi đoàn tụ tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, khuyên ông B rút đơn về đoàn tụ nhưng ông B cương quyết xin được ly hôn bà V. Bà V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hành gấn đoàn tụ được nhưng vì chưa giải quyết xong về tài sản nên bà không đồng ý ly hôn ông B. Chứng tỏ tình cảm giữa ông B và bà V không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức đoàn tụ, để mặc cho mâu thuẫn kéo dài. Tại phiên tòa ông B vẫn cương quyết xin ly hôn bà V, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông B được ly hôn bà V. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Quang B, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V có ba con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 16/01/1983; Phạm Quang T, sinh ngày 22/9/1986; Phạm Quang T, sinh ngày 15/01/1989. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, ông B, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị V đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung, công nợ chung của bà và ông B khi ly hôn nhưng ông B không đồng ý, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung, công nợ chung của ông và bà V, hơn nữa tài sản của ông B và bà V thỏa thuận tặng cho các con là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng, sự thỏa thuận đó không có sự đồng ý của Ngân hàng nhận thế chấp là trái quy định của pháp luật; căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 348, khoản 4 Điều 349 Bộ luật Dân sự Tòa án không ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng như bà V đề nghị. Tòa án đã giải thích về quyền và thời điểm yêu cầu Tòa án chia tài

sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn cho ông B và bà V được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà V và ông B đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung giữa bà V và ông B khi ly hôn.

[5] Đối với yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vì lý do Hội đồng xét xử chưa giải quyết đề nghị của bị đơn về việc ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông B và bà V: Hội đồng xét xử không chấp nhận tạm ngừng phiên tòa vì tại phiên tòa ông B không đồng ý ngừng phiên tòa, không đồng ý thỏa thuận về việc chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, mặt khác yêu cầu của bà V về tài sản chung, công nợ chung đã được Tòa án xem xét và giải thích trong quá trình giải quyết vụ án.

[6] Đối với yêu cầu tại phiên tòa của bà Trần Thị V về việc yêu Tòa án chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích và hướng dẫn cho bà V về quyền và thời điểm yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét giải quyết đối với yêu cầu của bà V tại phiên tòa về việc yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung giữa bà V và ông B khi ly hôn; nếu sau thời điểm này ông B, bà V có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông Phạm Quang B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mực thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang B:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V.

- Về con chung: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V có ba con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 16/01/1983; Phạm Quang T, sinh ngày 22/9/1986; Phạm Quang T, sinh ngày 15/01/1989. Các con chung của ông B, bà V đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi, dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V khi ly hôn; nếu ông B, bà V có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí: Ông Phạm Quang B phải chịu tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003294 ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H. Như vậy ông Phạm Quang B đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Quang B và bà Trần Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- TAND thành phố H;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- THA dân sự quận K;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thùy Linh

Trần Quang Tâm

Nguyễn Thị Lan Hương

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- THA dân sự quận K;
- TAND thành phố H;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính

Trần Quang Tâm

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính

Trần Quang Tâm

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương

